GIÁO TRÌNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

(Management-Information System: MIS)

- Nắm vững các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin quản lý gắn liền với việc tạo ưu thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nói chung và hoạt động kinh doanh qua mạng Internet nói riêng.
- ➤ Hiểu rõ sự gắn kết của các HTTT và tác động của chúng đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
- Nắm vững những yêu cầu đặt ra với các doanh nghiệp khi đầu tư vào CNTT nhằm tạo ra và duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh tế mới

Tài liệu tham khảo:

- 1. Hệ thống thông tin quản lý, Giáo trình của Đại học Kinh tế Quốc dân
- 2. Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý, Trần Thành Trai, Nhà xuất bản thống kê, 2003
- 3. Information Systems Foundation of E-Business, Steven Alter, Prentice Hall, 2002
- 4. Management Information Systems, Managing the Digital Firm. 9th edition, Laudon, K C and Laudon, J.P., Prentice Hall, New Jersey, 2006

CHUONG 1

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

1. Mở đầu

Công nghệ thông tin có thể hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện hiệu quả và hiệu suất của các qui trình nghiệp vụ kinh doanh, quản trị ra quyết định, cộng tác nhóm làm việc, qua đó tăng cường vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong một môi trường thay đổi nhanh.

Tin học hóa công tác quản lý của các đơn vị kinh tế, hành chính...(tin học quản lý) đang là lĩnh vực quan trọng nhất của ứng dụng tin học.

Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin kinh tế và quản lý hiện đại là nội dung chủ yếu của ứng dụng tin học trong việc tự động hóa từng phần hoặc toàn bộ các quy trình nghiệp vụ, quản lý trong các tổ chức kinh tế.

2. Thời đại thông tin

➤ Môi trường kinh tế hiện nay

Kinh tế toàn cầu là một nền kinh tế cho phép khách hàng, doanh nghiệp, và các nhà cung cấp, các nhà phân phối, và các nhà sản xuất có thể cùng hợp tác với nhau không bị hạn chế bởi không gian địa lý.

- Sự phát triển các doanh nghiệp xuyên quốc gia
- Sự hội nhập của các công ty nhỏ và vừa
- Môi trường cạnh tranh mang tính toàn cầu
- Hệ thống phân phối toàn cầu

Đặc trưng của nền KT hiện nay là các giao dịch (giao hàng và thanh toán) được thực hiện tức thời.

Ví dụ: hệ thống ATM

Là một nền kinh tế năng động (M-commerce)

Sự chuyển biến từ nền kinh tế chung toàn cầu từ **kinh tế công nghiệp -> kinh tế dịch vụ**

Nền kinh tế số (digital economy, e-conomy)

- Nền KT số hóa là nền kinh tế được đánh dấu bởi sự trao đổi không giới hạn về thông tin. Người ta có thể trao đổi một lượng vô hạn về các con số, từ ngữ, âm thanh, hay hình ảnh, kể cả các loại thông tin có tính chất sinh học như là sinh trắc học (mắt, vân tay), nhận dạng âm thanh, hay các hình ảnh 3 chiều.
 - Sự xuất hiện của các doanh nghiệp kinh doanh điện tử
- Quá trình kinh doanh cơ bản được thực hiện dưới sự điều khiển của một mạng lưới số hóa
- Mối quan hệ với các nhà cung cấp, khách hàng, và các đối tác dần được thực hiện dưới tác động của CNTT

> Thời đại thông tin

- Thời đại thông tin là thời đại mà tri thức là sức mạnh
- Thời đại ra đời khái niệm "công nhân tri thức" (knowledge worker)
- Internet đã tác động lên mọi mặt của nền kinh tế và các hoạt động của doanh nghiệp

Thương mại điện tử (TMĐT : E-Commerce)

Thương mại điện tử là thương mại được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin, cụ thể là Internet. Nó tạo điều kiện cho khách hàng, người tiêu dùng và các công ty có các mối quan hệ mới, đầy sức mạnh mà không thể có nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ.

Giao tiếp trực tiếp: là việc sử dụng các công nghệ truyền thông (như mạng Internet) để làm việc ở các vị trí khác nhau.

Môi trường làm việc ảo: là môi trường làm việc có sự hỗ trợ của công nghệ. Không nhất thiết được thực hiện ở một vị trí thời gian và không gian xác định. Có thể cho phép liên lạc với bất cứ ai, bất cứ đâu vào bất cứ thời điểm nào.

Nền kinh tế phát triển dựa trên mong muốn của người tiêu dùng

> Đặc điểm của thời đại thông tin

- Xuất hiện dựa trên sự xuất hiện của các hoạt động xã hội dựa trên nền tảng thông tin
- Kinh doanh trong thời đại thông tin phụ thuộc vào công nghệ thông tin được sử dụng để thực hiện công việc kinh doanh
 - Năng suất lao động của quá trình sản xuất tăng lên một cách nhanh chóng
- Hiệu quả sử dụng công nghệ thông tin xác định sự thành công trong thời đại thông tin
 - Công nghệ thông tin có mặt trong mọi sản phẩm và dịch vụ

3. Xu hướng phát triển CNTT

➤ Công nghệ thông tin và truyền thông

- Các dạng phần cứng và phần mềm máy tính được sử dụng để xử lý dữ liệu và lưu trữ thông tin
- Các công nghệ truyền thông, viễn thông được sử dụng đểm truyền tải thông tin

Một số nhận định sai lầm về phát triển của CNTT

- "Điện thoại" có quá nhiều nhược điểm để có thể được sử dụng như một phương tiện truyền thông. Thiết bị này rõ ràng là không có giá trị đối với chúng ta. **Western Union internal memo**, 1876
- Tôi nghĩ thị trường chỉ cần tới 5 chiếc máy tính. (*Thomas Watson, chairman of IBM, 1943*)
- Liệu một vi mạch sẽ dùng vào việc gì? (Engineer at the Advanced Computing Systems Divis)
- Chẳng có lý do gì mà một người lại cần dùng máy tính ở nhà. (Ken Olson, president, chairman, and founder of Digital Equipment Corp., 1977)
- 640K là quá đủ cho bất cứ ai. (Attributed to Bill Gates, chairman of Microsoft, 1981)
- Dell là một mô hình kinh doanh tuyệt với, nhưng nó khó mà đem lại lợi nhuận. (John Shoemaker, head of Sun's server division, 2000))IBM, 1968
 - > Các xu hướng phát triển CNTT

- Nâng cao tốc độ, và khả năng có thể mang theo
- Kết nối và liên kết giữa các thiết bị máy tính và công nghệ truyền thông
- Sử dụng các thông tin đã được số hóa và đa phương tiện
- Những phần mềm tốt hơn và thân thiện với người sử dụng

4. Các khái niệm cơ bản.

- Dữ liệu và thông tin
- Hệ thống
- Hệ thống thông tin

4.1 Dữ liệu và thông tin

a. Dữ liệu

Khái niệm

- Ký hiệu, biểu tượng, v.v... => phản ánh một vấn đề nào đó của cuộc sống
- Được cho bởi các giá trị mô tả các sự kiện, hiện tượng cụ thể: Tín

hiệu vật lý

Con số

Các ký hiệu khác, v.v...

Ví du:

Số đo nhiệt độ trong ngày, doanh thu của 1 công ty trong 1 tháng

b. Thông tin

Khái niệm

- Những gì mang lại hiểu biết về một sự vật, hiện tượng
- Ý nghĩa của dữ liệu được rút ra sau khi đã có những đánh giá hoặc so sánh.

Ví du

Doanh thu tháng trước của một công ty là 100 triệu đồng, tháng này là 85 triệu => tháng này công ty hoạt động không hiệu quả bằng tháng trước?

- Thông tin luôn mang ý nghĩa và gồm nhiều giá trị dữ liệu,

Ví dụ

Nguyễn Văn Nam, 845102, 14/10/08, v.v..., là những ví dụ về dữ liệu Từ đó có thông tin như sau: Thủ kho Nguyễn Văn Nam xuất mặt hàng có danh mục là: 845102 vào ngày 14/10/08 với số lượng 18

c. Các dang thông tin

Thông tin viết, Thông tin nói, Thông tin hình ảnh, Thông tin khác

❖ Thông tin viết

- Thường gặp nhất trong hệ thông tin
- Thể hiện trên giấy, trên màn hình của máy tính
- Các dữ kiện thể hiện các thông tin có thể có cấu trúc hoặc không
 - Một bức thư tay của một ứng viên vào một vị trí tuyển dụng không có cấu trúc, song cần phải có các thông tin "bắt buộc" (họ tên, địa chỉ, văn bằng, v.v...).
 - Một hoá đơn có cấu trúc xác định trước gồm những dữ liệu bắt buộc (tham chiếu khách hàng, tham chiếu sản phẩm v.v...).

❖ Thông tin nói

Là một phương tiện khá phổ biến giữa các cá thể và thường gặp trong hệ

tổ chức kinh tế xã hôi

Đặc trưng loại này phi hình thức và thường khó xử lý Vật mang thông tin thường là hệ thống điện thoại.

❖ Thông tin hình ảnh

Dạng thông tin này xuất phát từ các thông tin khác của hệ thống hoặc từ các nguồn khác

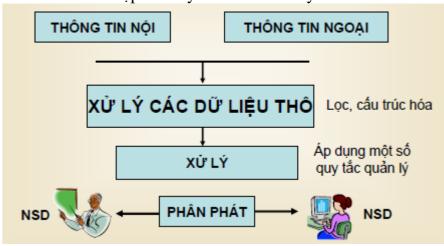
Ví dụ: Bản vẽ một số chi tiết nào đó của ôtô có được từ số liệu của phòng nghiên cứu thiết kế

❖ Thông tin khác

Một số các thông tin có thể cảm nhận qua một số giai đoạn như xúc giác, vị giác, khứu giác không được xét trong hệ thông tin quản lý.

d. Quy trình xử lý thông tin

Thu thập->Xử lý->Lưu trữ->Truyền TT



e. Mã hóa, giải mã

Khái niệm: Mã hóa thông tin là quá trình biểu diễn theo qui ước ngắn gọn một thuộc tính của một thực thể nhằm tạo điều kiện thuận tiện nhất cho việc xử lý thông tin

Các loại mã hóa: tuần tự, phân tích, hỗn hợp

Mã hóa thông điệp: Phương thức chuyển đổi thông điệp thành một dạng khác gọi là *mã thông* điệp

Mã hóa tín hiệu: Phương thức chuyển đổi mã thông điệp thành tín hiệu truyền vật lý

Giải mã thông điệp:

Phương thức biến đối mã thông điệp thành thông điệp có nghĩa, từ đó rút ra được thông tin cần thiết

Khóa mã

Mã thông điệp => Thông điệp => Thông tin

- Được tiến hành nhờ sử **dụng** khóa mã (có liên hệ về mặt thuật toán với

khóa mã được dùng để mã hóa thông điệp)

- Độ phức tạp của việc giải mã phụ thuộc vào các phương thức mã hóa

Khóa mã

Giải thuật hay cách thức được sử dụng để mã hóa và giải mã thông điệp Ví dụ:

- Khoá mã: Mỗi chữ cái trong thông điệp được dịch chuyển hai vị trí theo trình tự trong bảng chữ cái
 - Thông điệp: "Bo mon CNTT"
 - Mã thông điệp: "Dq oqp EPVV"

Muc đích mã hóa

- Nhận dạng dễ dàng và chính xác một thực thể
- Cho phép tiết kiệm không gian lưu trữ và thời gian xử lý
- Đảm bảo tính bảo mật cho thông tin
- => Câu hỏi: mã hóa để đạt được cả 3 yếu tố trên hay chỉ 1 hoặc 2 trong 3 yếu tố đó?

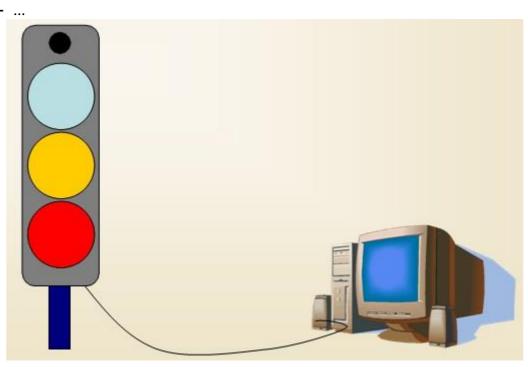
4.2. Hệ thống

Khái niêm

Hệ thống là một tập hợp gồm nhiều phần tử tương tác, có các mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau và cùng hoạt động hướng tới một mục tiêu chung thông qua chấp thuận các đầu vào, biến đổi có tổ chức để tạo kết quả đầu ra

Ví du

- Hệ thống điều khiển giao thông
- Hệ thống mạng máy tính



- ❖ Các đặc trung của hệ thống
 - Tính tổ chức

- Tính biến động
- Hệ thống phải có môi trường hoạt động
- Hệ thống phải có tính điều khiển

❖ Các thành phần của hệ thống

- Nhập vào (Input): Nắm bắt và tập hợp các yếu tố để đưa vào hệ thống để xử lý
- Xử lý (Processing): Bước biến đổi nhằm chuyển các yếu tố đưa vào sang các dạng cần thiết
- Kết xuất (Ou tput): Chuyển các yếu tố được tạo ra từ quá trình xử lý thành các kết quả cuối cùng

4.3. Hệ thống thông tin

Information system: là một tập hợp các phần cứng, phần mềm, hệ mạng truyền thông được xây dựng và sử dụng để thu thập, tạo, tái tạo, phân phối và chia sẻ dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm phục vụ các mục tiêu của tổ chức.

Khung tri thức về Hệ thống thông tin



Phân loại HTTT

- Phân loại theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra
- Hệ xử lý dữ liệu (DBS)
 - + Cập nhật DL định kỳ, xử lý DL cục bộ
 - + Hệ xử lý điểm cho giáo viên, hệ xếp thời khóa biểu
- Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
 - + Xử lý DL có tính thống kê, phục vụ cho nhà quản lý
 - + Hệ xử lý điểm cho giáo viên cho phép thống kê học lực của SV
- Hệ trợ giúp quyết định (DSS)
 - + Phục vụ nhà quản lý cấp cao
 - + Dựa trên hệ phân tích dự báo
- Hệ chuyên gia (ES)
 - + Đóng vai trò là chuyên gia lĩnh vực

Ví dụ: Hệ chẩn đoán y khoa, dự báo thời tiết

Ví dụ:

ESS: Executive Support Systems- HT hỗ trợ điều hành DSS: Decision Support systems- HT hỗ trợ quyết định MIS: Management Information Systems-HT thông tin quản lý TPS: Transaction Processing Systems-HT xử lý nghiệp vụ Cập điều hành (cập cao) ■Kế hoach hoat Dư báo ■Dự báo ngân sách 5 năm Lập kể hoạch khuynh hướng động 5 năm ■Lập kế hoạch lợi nhuận nguồn nhân lực **ESS** bán hàng- 5 năm Cấp độ quản lý (cấp trung) Quản lý bán ·Kiển soát hàng Phân tích sư Lập ngân sách hàng năm MIS hàng tồn kho phân bố lao động Kế hoạch Đầu tư vốn Lập kể hoạch sản ■Phân tích chi phí ■Phân tích lợi nhuận- giá cả Phân tích hợp đồng LĐ xuât ■Phân tích chi phí DSS bán hàng Cập độ hoạt động Xử lýđ,hàng KT tài chính Sử dụng máy Thu chi Tuyến dung ·X.định giá ■Chính sách Lập BC thuế •Huấn luyện móc Kiểm toán Chính sách Sir dung VL thanh toán cu TPS Ngh,cứu TT, *XN kho VL thể V.V luong, thường khuyến mãi

"V.V

HT TT tài chính

 Hệ thống thông tin xử lý giao dịch TPS (Transaction Processing System)

HT TT Sản xuất

- Hệ thống thông tin tăng cường khả năng cạnh tranh ISCA (Information System for Competitive Advantage)
- Phân loại hệ thống thông tin trong tổ chức doanh nghiệp
- Hệ thống thông tin tài chính

HT TT b,hàng

& T.truòng

- Hệ thống thông tin marketing
- Hệ thống thông tin kinh doanh và sản xuất
- Hệ thống thông tin quản trị nhân lực
- Hệ thống thông tin văn phòng

❖ Sự cần thiết của hệ thống thông tin

Công nghệ thông tin có thể hỗ trợ mọi doanh nghiệp cải thiện hiệu quả và hiệu suất của các qui trình nghiệp vụ kinh doanh, quản trị ra quyết định, cộng tác nhóm làm việc, qua đó tăng cường vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong một thị trường thay đổi nhanh.

Những hệ thống trên nền Internet đã trở thành một thành phần rất cần thiết để kinh doanh thành công trong môi trường toàn cầu động năng động hiện nay.

Công nghệ thông tin đang vai trò ngày càng lớn hơn trong kinh doanh.

HT TT kế toán

HT TT nhân lưc

❖ Chức năng của HTTT

Một chức năng chính của doanh nghiệp tương tự như kế toán, tài chính, quản trị hoạt động, tiếp thị, quản trị nguồn nhân lực.

Góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động, tinh thần và năng suất lao động nhân viên, phục vụ và đáp ứng thỏa mãn khách hàng.

Một nguồn thông tin và hỗ trợ chính vô cùng cần thiết để hiệu quả việc ra quyết định của các cấp quản trị và các doanh nhân

Một yếu tố sống còn trong phát triển sản phẩm dịch vụ cạnh tranh, tăng cường lợi thế chiến lược của một tổ chức trên thị trường toàn cầu

Là động lực, phần thưởng, cơ hội thành công cho rất nhiều người.

Một thành phần then chốt trong nguồn lực, hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp kinh doanh trên mạng hiện nay.

❖ Phân biệt Hệ thống thông tin và Công nghệ thông tin

Hệ thống thông tin (IS) — tất cả các thành phần và những tài nguyên cần thiết để chuyển thông tin và thực hiện chức năng xử lý thông tin cho tổ chức.

Công nghệ thông tin (IT) — các công nghệ cần thiết cho hệ thống vận hành.

❖ Chu kỳ sống của HTTT

- Giai đoan sinh thành
- Giai đoạn phát triển
- Giai đoan khai thác
- Giai đoạn thoái hóa

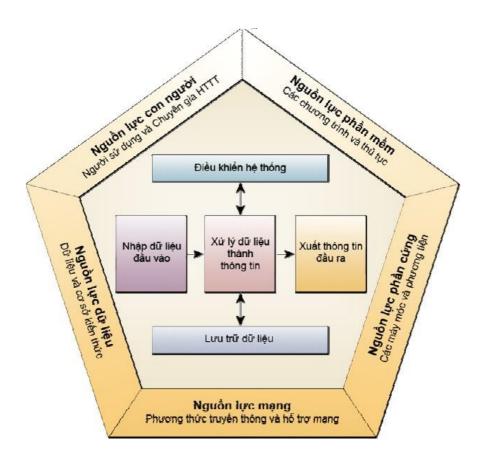
4.4. HỆ THỐNG THÔNG TIIN QUẢN LÝ

Một hệ thống tích hợp "Người - Máy" tạo ra các thông tin giúp con người trong sản xuất, quản lý và ra quyết định là hệ thông tin quản lý. Hệ thông tin quản lý sử dụng các thiết bị tin học, các phần mềm, CSDL, các thủ tục thủ công, các mô hình để phân tích, lập kế hoạch quản lý và ra quyết định

5. Mô hình HTTT

- Mô hình
- Các hoạt động tác nghiệp đối với hệ thống thông tin

❖ Mô hình tổng quát



❖ Các hoạt động tác nghiệp đối với HTTT

- Phân tích hệ thống (systems analyst)
- Tích hợp hệ thống (system integrator)
- Quản trị cơ sở dữ liệu
- Phân tích hệ thống thông tin
- Quản trị hệ thống thông tin trong tổ chức
- Lập trình quản lý cơ sở dữ liệu
- Quản lý cơ sở dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo, quản lý

Thảo luận:

Anh/chị kỳ vọng gì khi áp dụng CNTT?

5. Vai trò của các hệ thống thông tin quản lý.

HTTT nằm ở trung tâm của hệ thống tổ chức là phần tử kích hoạt các quyết định (mệnh lệnh, chỉ thị, thông báo, chế độ tác nghiệp, v.v...)

Việc xây dựng HTTT hoạt động hiệu quả là mục tiêu của các tổ chức

Hỗ trợ các chiến lược lợi thế cạnh tranh

Hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh

Hỗ trợ các quy trình nghiệp vụ và các hoạt động kinh doanh

- a. Tăng năng suất lao động
 - OLTP OnLine Transaction Processing: Xử lý giao dịch trực tuyến
 - TPS Transaction Processing System: Hệ thống xử lý giao dịch
 - CIS Customer-Integrated System: Hệ thống tích hợp khách hàng

b. Hỗ trợ ra quyết định

- Giúp phân tích tình huống và hỗ trợ người ra quyết định
- Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định
- Hệ thống thông tin hỗ trợ điều hành
- Hệ thống thông tin địa lý
- Đưa ra một số gợi ý về phương thức thực hiện
- Trí tuệ nhân tạo (AI)
- c. Tăng cường hợp tác lao động
 - Đội làm việc năng động
 - Quản lý tài liệu
 - Phát triển ứng dụng
- d. Tạo liên kết đối tác kinh doanh
 - Hệ thống thông tin liên doanh nghiệp (IOS)
 - EDI (Electronic Data Interchange) Trao đổi dữ liệu điện tử
- e. Cho phép toàn cầu hóa
 - Giúp vượt qua trở ngại về thời gian và địa điểm
 - Văn hóa

f. Hỗ trơ thay đổi tổ chức

- Đáp ứng nhu cầu thay đổi liên tục của thị trường hiện nay

6. Tác động của CNTT đối với doanh nghiệp (Tiềm năng và thách thức)

- 6.1. Tác động của CNTT đối với doanh nghiệp
 - ➤ Bộ máy nhân sự CNTT trong DN
 - Phòng CNTT
 - Quản trị viên hệ thống (System Administrator)
 - Lập trình viên (Programmer)
 - Nhà thiết kế hệ thống (System Designer)
 - Nhà phân tích hệ thống (System Analyst)
 - Nhà quản lý HTTT
 - + Trưởng phòng CNTT
 - + GĐ CNTT
 - + GĐ Dư án
 - Phó TGĐ phụ trách CNTT (Chief Information Officer -CIO)
 - > Tác động của HTTTQL tới DN
 - Úng dụng trong nội bộ phòng, ban, bộ phận chức năng
 - Úng dụng tích hợp các phòng, ban, bộ phận
 - Cải tổ quy trình nghiệp vụ, tái cơ cấu tổ chức: sáp nhập phòng b an, cơ cấu tổ chức mỏng, tổ chức ảo
 - Thay đổi quan hệ với nhà cung cấp, khách hàng, nhà trung gian
 - Thay đổi sản phẩm, dịch vụ
 - Một số thách thức khi ứng dụng HTTTQL
 - Thay đổi nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức, nhân sự
 - Tranh giành nội bộ
 - Kiểm soát và bảo mật
 - Chất lượng HTTTQL
 - 6.2. Hiệu quả của HTTTQL
 - Các lơi ích cơ bản
 - Giảm chi phí giao dịch
 - Giảm chi phí quản lý (thuyết agency)
 - Tăng cường chất lượng thông tin
 - + Khối lượng (Quantity)
 - + Pham vi (Scope)
 - + Suitability (Độ hữu dụng)
 - + Độ phù hợp (Relevance)
 - + Tính chuẩn xác (Accuracy)
 - + Tính kip thời (Timeliness)
 - + Tính tương thích (Compatibility) Cách hiển thị (Presentation)

➤ Lợi ích kinh tế

- Trực tiếp
 - + Hoá đơn điện thoại
 - + Chi phí lương
 - + ...
- Trực tiếp
 - + Phát hiện thất thoát
 - + Tìm thêm khách hàng
- Gián tiếp
 - + Tăng cường uy tín
 - + Cho phép mở rộng sản phẩm, thị trường

Tác động càng lớn dần

- ➤ Chi phí cho HTTTQL
- Chi phí mua sắm
 - + Phần cứng
 - + Phần mềm
- Tổng chi phí sở hữu (Total Cost of Ownership TCO)
 - + Mua sắm
 - + Truyền thông
 - + Tư vấn, tập huấn, chuyển giao
 - + Bảo hành bảo trì: nhân sự, đi lại, điện nước, thuê địa điểm
 - + Nâng cấp hệ thống
- TCO rất lớn:
 - + 1 PC: TCO = 300% Chi phí mua sắm
 - + HTTTQL: TCO = 500% Chi phí mua sắm
- Giảm TCO:
 - + Tập trung hoá hệ thống (centralization)
 - + Chuẩn hoá (standardization)
 - + Trình độ quản lý, chuyên môn
- ▶ Đánh giá hiệu quả
- So sánh TCO với (Lợi ích trực tiếp + Lợi ích gián tiếp)
 - + Thời gian thu hồi vốn
 - + Tỷ suất Cost/Benefit (giá/lọi ích)
 - + Tỷ suất lợi nhuận
- Lựa chọn nhà cung cấp
 - + Cost/Benefit chứ không phải Cost/Performance
 - + Chỉ xem xét những chức năng cần thiết

Thảo luận

Những tác động của CNTT tới một trong các ngành sau

- + Dich vu tài chính
- + Chăm sóc sức khỏe
- + Sản xuất
- + Dich vu giải trí nghe nhìn
- + Giáo duc
- + Bán lẻ
- + Du lich và khách san

Một số công ty ứng dụng CNTT thành công

- + Boeing Airplane Company
- + Wal-Mart Stores
- + Bissett Nursery Corp.
- + Federal Express
- + Charles Schwab
- + USAA
- + L.L. Bean
- + Progressive Corp.

> Doanh nghiệp cổ thể có những lợi ích gì khi ứng dụng CNTT

- Trong quản lý chuỗi cung ứng thông qua việc quản lý hàng lưu kho

- Trong giao dịch với khách hàng qua việc ứng dụng TMĐT
- Trong logistics thông qua ERP
- Trong quản lý người sử dụng thông qua các phần mềm hỗ trợ nhóm
- Trong marketing thông qua data mining
- Trong quản lý nội bộ thông qua mạng Intranets

7. Các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin quản lý:

- + Phần cứng, phần mềm, nhà quản lý thông tin (CIO), . . .
- + Giao tiếp, Xử lý, Kho dữ liệu, . . .

8. Thông tin kinh tế và hệ thống thông tin kinh tế:

Thông tin kinh tế là các thông tin tồn tại và vận động trong các thiết chế kinh tế, các tổ chức, các doanh nghiệp nhằm phản ánh tình trạng kinh tế của các chủ thể đó.

Thông tin KT có thể coi là các huyết mạch của doanh nghiệp, của các tổ chức kinh tế.

Hệ thống TTKT là hệ thống có nhiệm vụ thu thập, xử lý, lưu trữ và truyền thông tin kinh tế trợ giúp các hoạt động ra quyết định trong tổ chức, doanh nghiệp.

Ngày 17/10/2000 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương đảng đã ra chỉ thị 58 CT/TW về đẩy mạnh và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đai hóa đất nước.

9. Giới thiệu một số dạng hệ thống thông tin quản lý:

Để định hướng ra các hệ thống thông tin quản lý người ta dựa vào định hướng hoạt động của hệ thống thông tin và tổng thể các bài toán quản lý mà hệ thống giải quyết.

Theo cách này thì có thể chia các hệ thống thông tin thành một số dạng sau:

- Hê thống thông tin dư báo
- Hệ thống thông tin khoa học
- Hệ thống thông tin kế hoạch
- Hệ thống thông tin thực hiện

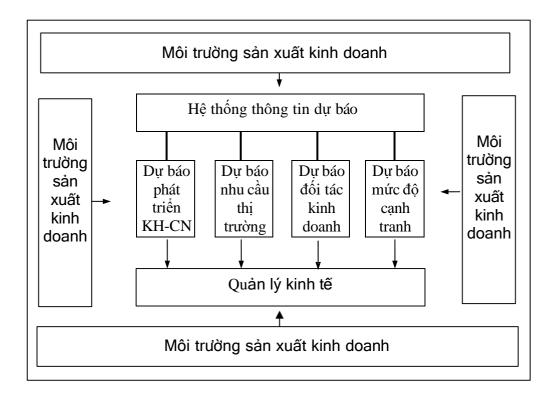
Giả thiết

Các hệ thống thông tin này giống nhau về:

- Cấu trúc
- Các hoạt động cơ bản;

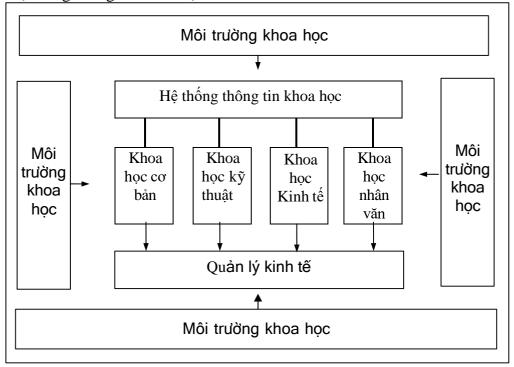
Các hệ thống thông tin này khác nhau về:

- Nôi dung các cơ sở dữ liêu;
- Các phần mềm thực hiện các công việc khác nhau;
- Các thông tin kết quả
- NSD
- a. Hệ thống thông tin dự báo



Hệ thống thông tin dự báo bao gồm DB dài han, DB trung hạn và DB ngắn hạn về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, như DB các tiến độ KH-CN, dự báo qui mô sản xuất, dự báo về nhu cầu của thị trường, về mức độ canh tranh trên thị trường,... Hệ thống thông tin dự báo càng quan trọng trong hoạt động kinh tế thị trường.

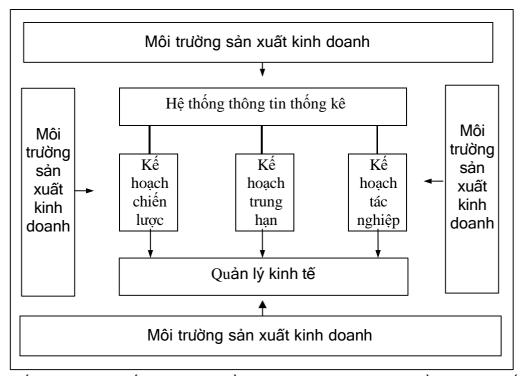
b. Hê thống thông tin khoa học.



Hệ thống thông tin khoa học bao gồm các thông tin về KHCB, KHCN, KHK T và KHTN.

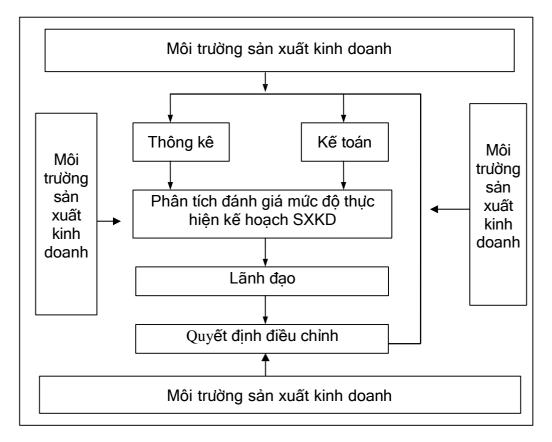
Từ môi trường KH rộng lớn hệ thống thông tin khoa học thu thập các thông tin liên quan đến sản xuất- kinh doanh để đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

c. Hệ thống thông tin kế hoạch



Hệ thống thông tin kế hoạch bao gồm toàn bộ các thông tin về công tác kế hoạch hoá của doanh nghiệp. Các kế hoạch được đề cập đến ở 3 mức độ: kế hoạch hóa chiến lược, kế hoạch hóa trung hạn, kế hoạch hóa cơ động. HTTTKH bao uát tất cả các lĩnh vực họt động của doanh nghiệp gồm cả trong lĩnh vực sản xuất và quản lý.

d. Hệ thống thông tin thực hiện



Hệ thống thông tin thực hiện sử dụng các công cụ thống kê và kế toán để kiểm tra, đánh giá, phân tích các quá trình thực hiện kế hoạch theo thời gian. Trên cơ sở các số liệu của HTTT thực hiện, mà cán bộ lãnh đạo có thể ra các quyết định điều chỉnh.

Như vậy, phương pháp phân loại thông tin theo nội dung giúp chúng ta định hướng rõ mục đích của các dòng thông tin trong hệ thống quản lý. Trên cơ sở đó tiến hành phát triển hoàn thiện một nội dung nào đó trong hệ thống quản lý